UBND Phường 3

# ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | | | SO SÁNH (%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | **TỔNG CHI** | **11.305.083.000** | **1.927.341.000** | **9.377.742.000** | **2.230.807.474** | | **2.230.807.474** | **19,73** | | **19,73** |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| 1 | Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | 631.825.000 | | 631.825.000 | 168.619.690 | | 168.619.690 | 26,69 | | 26,69 |
| 1.1 | Chi dân quân tự vệ | 274.265.000 | | 274.265.000 | 83.495.257 | | 83.495.257 | 30,44 | | 30,44 |
| 1.2 | Chi trật tự an toàn xã hội | 357.560.000 | | 357.560.000 | 85.124.433 | | 85.124.433 | 23,81 | | 23,81 |
| 2 | Chi giáo dục | 239.760.000 | | 239.760.000 | 52.090.000 | | 52.090.000 | 21,73 | | 21,73 |
| 3 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4 | Chi y tế | | | | | | | | | |
| 5 | Chi văn hóa, thông tin | 80.000.000 | | 80.000.000 | 4.570.000 | | 4.570.000 | 5,71 | | 5,71 |
| 6 | Chi phát thanh, truyền thanh | 40.000.000 | | 40.000.000 | 2.000.000 | | 2.000.000 | 5,00 | | 5,00 |
| 7 | Chi thể dục, thể thao | 30.000.000 | | 30.000.000 | | | | | | |
| 8 | Chi bảo vệ môi trường | 54.452.000 | | 54.452.000 | 6.040.000 | | 6.040.000 | 11,09 | | 11,09 |
| 9 | Chi các hoạt động kinh tế | 1.927.341.000 | 1.927.341.000 | | | | | | | |
| 10 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 4.726.252.000 | | 4.726.252.000 | 1.014.491.784 | | 1.014.491.784 | 21,47 | | 21,47 |
| 11 | Chi cho công tác xã hội | 3.437.680.000 | | 3.437.680.000 | 944.126.000 | | 944.126.000 | 27,46 | | 27,46 |
| 12 | Chi khác | 137.773.000 | | 137.773.000 | 38.870.000 | | 38.870.000 | 28,21 | | 28,21 |
| 13 | Dự phòng | | | | | | | | | |
| 14 | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | | | | | | | | | |